BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
--------ꕥ 🕮 ꕥ-------

PHẠM THANH BÌNH

NHU CẦU THAM VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC CHUYÊN NGÀNH
MÃ SỐ: 62.31.04.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

***Người hướng dẫn khoa học*:**
1. GS. TS. NGUYỄN QUANG UẨN
2. PGS. TS. TRẦN THỊ LỆ THU

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các dữ liệu và kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tác giả luận án

Phạm Thanh Bình

MỤC LỤC

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Mục lục
Danh mục các từ và thuật ngữ viết tắt
Danh mục các bảng số liệu
Danh mục các biểu đồ
Danh mục các sơ đồ, hình

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 3
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu 3
4. Giả thuyết khoa học 3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu 3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu 4
7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5
8. Đóng góp mới của luận án 7
9. Cấu trúc của luận án 7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU NHU CẦU THAM VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ 8
1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề 8
1.1.1. Các nghiên cứu về nhu cầu tham vấn tâm lý học đường ở nước ngoài 8
1.1.2. Các nghiên cứu về NCTV học đường ở Việt Nam 11
1.2. Một số vấn đề lý luận cơ bản 16
1.2.1. Nhu cầu 16
1.2.2. Nhu cầu tham vấn tâm lý học đường 22
1.2.3. Nhu cầu tham vấn tâm lý học đường của học sinh THCS 44
1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham vấn học đường của học sinh THCS 55
Tiểu kết chương 1 63

Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 64
2.1. Tổ chức nghiên cứu 64
2.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận 64
2.1.2. Giai đoạn 2: Nghiên cứu thực tiễn 64
2.2. Phương pháp nghiên cứu 70
2.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu lí luận, văn bản 70
2.2.2. Phương pháp chuyên gia 71
2.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi 72
2.2.4. Phương pháp giải các bài tập tình huống 74
2.2.5. Phương pháp phỏng vấn sâu 74
2.2.6. Phương pháp quan sát 75
2.2.7. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động 76
2.2.8. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử 76
2.2.9. Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study) 77
2.2.10. Phương pháp thực nghiệm 77
2.2.11. Phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học 81
2.3. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá 82
2.3.1. Tiêu chí đánh giá 82
2.3.2. Thang đánh giá 84
Tiểu kết chương 2 87
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN NHU CẦU THAM VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH THCS 88
3.1. Thực trạng nhu cầu tham vấn học đường của HS THCS 88
3.1.1. Thực trạng khó khăn tâm lý và cách giải quyết khó khăn tâm lý của HS THCS 88
3.1.2. Thực trạng nhu cầu tham vấn học đường của HS THCS trước những KKTL trong học tập và giao tiếp 95
3.1.3. Thực trạng nhu cầu của HS THCS về các hình thức TVHĐ 118
3.1.4. Sự cần thiết tổ chức tham vấn học đường cho HS THCS 119
3.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham vấn học đường của HS THCS 120

3.2. Các lý do dẫn đến HS THCS có hoặc chưa có NCTVHĐ 123
3.2.1. Lý do HS THCS có nhu cầu tham vấn học đường 123
3.2.2. Lý do HS THCS chưa có nhu cầu tham vấn học đường 129
3.3. Đánh giá chung về thực trạng NCTVHĐ của HS THCS 132
3.3.1. Đánh giá chung về thực trạng NCTV trong học tập và giao tiếp của HS THCS.....132
3.3.2. Nguyên nhân của thực trạng.....132
3.3.3. Đề xuất một số biện pháp tác động nhằm thỏa mãn NCTVHĐ của HS THCS ...132
3.4. Kết quả thực nghiệm.....133
3.4.1. Hiểu biết về TVHĐ của HS THCS trước và sau thực nghiệm 134
3.4.2. Những thay đổi về KKTL và NCTVHĐ trước và sau thực nghiệm 136
3.5. Phân tích các trường hợp đại diện.....141
Tiểu kết chương 3 147
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 148
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....151
TÀI LIỆU THAM KHẢO 152
PHỤ LỤC 1PL

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nguyên văn
CMHS	Cha mẹ học sinh
ĐH	Đại học
ĐHQG	Đại học Quốc gia
ĐHSP	Đại học Sư phạm
ĐLC	Độ lệch chuẩn
ĐTB	Điểm trung bình
GD - ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giáo viên
HĐ	Học đường
HS	Học sinh
KKTL	Khó khăn tâm lý
KHCN	Khoa học công nghệ
NCTV	Nhu cầu tham vấn
NTV	Nhà tham vấn
NXB	Nhà xuất bản
SP	Sư phạm
STN	Sau thực nghiệm
TB	Thứ bậc
TC	Thân chủ
TLHĐ	Tâm lý học đường
TLHTH	Tâm lý học trường học
TTN	Trước thực nghiệm
TV	Tham vấn
TVTL	Tham vấn tâm lý
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 2.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy Alpha của từng phép đo và toàn bộ thang đo.....67
Bảng 2.2. Mẫu khách thể nghiên cứu.....73
Bảng 2.3. Thang đánh giá mức độ 85
Bảng 2.4. Thang đánh giá mức độ KKTL và biểu hiện, mức độ NCTVHĐ 85
Bảng 2.5. Thang đánh giá biểu hiện NCTVHĐ.....85
Bảng 2.6. Thang đánh giá điểm giải bài tập tình huống 86
Bảng 3.1. Lĩnh vực KKTL chủ yếu của HS THCS.....89
Bảng 3.2. Tần suất và hiệu quả sử dụng các cách giải quyết KKTL của HS THCS.....93
Bảng 3.3. NCTVHĐ của HS THCS ở lĩnh vực học tập.....96
Bảng 3.4. NCTVHĐ của học sinh THCS trong giao tiếp với thầy cô giáo 100
Bảng 3.5. KKTL và NCTVHĐ trong giao tiếp với thầy cô giáo.....105
Bảng 3.6. NCTVHĐ của học sinh THCS trong giao tiếp với bạn bè 107
Bảng 3.7. NCTV của HS THCS trong giao tiếp với cộng đồng.....112
Bảng 3.8. NCTV của HS THCS trong giao tiếp với các thành viên trong gia đình ..114
Bảng 3.9. NCTVHĐ trong giao tiếp với các thành viên trong gia đình 117
Bảng 3.10. Những yếu tố ảnh hưởng đến NCTVHĐ của HS THCS.....121
Bảng 3.11. Lý do HS THCS có NCTVHĐ.....123
Bảng 3.12. Lý do HS THCS chưa có NCTVHĐ 129
Bảng 3.14. Đánh giá chung mức độ hiểu biết của HS THCS về TVHĐ trước và sau thực nghiệm 135
Bảng 3.15. Sự thay đổi KKTL và NCTVHĐ trước và sau thực nghiệm.....137
Bảng 3.16. Sự thay đổi KKTL và NCTVHĐ trước và sau thực nghiệm.....139
Bảng 3.17. Sự thay đổi KKTL và NCTVHĐ trước và sau thực nghiệm.....140

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. KKTL và NCTVHĐ của HS THCS ở lĩnh vực học tập.....99
Biểu đồ 3.2. NCTVHĐ trong giao tiếp với thầy cô giáo.....102
Biểu đồ 3.3. NCTVHĐ trong giao tiếp với bạn bè.....111
Biểu đồ 3.4. KKTL và NCT HĐ trong giao tiếp với các thành viên trong gia đình....115
Biểu đồ 3.5. NCTV của HS THCS về lĩnh vực giao tiếp.....118
Biểu đồ 3.6. Sự cần thiết tổ chức TVHĐ cho HS THCS hiện nay.....120
Biểu đồ 3.7. Lý do HS THCS có NCTVHĐ 125
Biểu đồ 3.8. Lý do HS THCS có NCTVHĐ.....127
Biểu đồ 3.9. Lý do HS THCS chưa có NCTVHĐ.....130
Biểu đồ 3.10. Lý do HS THCS chưa có NCTVHĐ.....131
Biểu đồ 3.11. Hiểu biết về TVHĐ của HS THCS trước và sau thực nghiệm 135
Biểu đồ 3.12. Hiểu biết của HS THCS về TVHĐ trước và sau thực nghiệm 136
Biểu đồ 3.13. Sự thay đổi NCTVHĐ trước và sau thực nghiệm.....137

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH

Sơ đồ

Sơ đồ 1.1. Mô hình hướng đến sự hoà nhập và thích nghi học đường của Québec 35
Sơ đồ 1.2. Mô hình tập trung vào sự cân bằng cá nhân-xã hội ở Đức.....36
Sơ đồ 1.3. Mô hình tham vấn học đường của Trung Quốc.....37

Hình

Hình 1.1. Mô hình dịch vụ tâm lý học đường tích hợp và toàn diện.....39
Hình 1.2. Mô hình phân phối dịch vụ 3 tầng.....39

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Xã hội loài người đang ngày càng phát triển cùng với sự phát triển rất mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật cũng như trên nhiều lĩnh vực khác. Đời sống tâm lý của con người cũng ngày càng đa dạng và phong phú để thích ứng với những điều kiện môi trường luôn luôn biến đổi sôi động. Những thay đổi trong cuộc sống có thể làm cho cuộc sống trở nên đậm đà, mới mẻ hơn. Tuy nhiên, nếu sự thay đổi ấy quá mạnh mẽ và liên tục thì sẽ có tác động không tốt đến sức khỏe của con người. Những phiền toái trong cuộc sống, những áp lực tác động từ nhiều phía đến con người, những rắc rối xảy ra trong các mối quan hệ, những lựa chọn quyết định trước nhiều quyết định cho một vấn đề, những thảm họa, những thông tin nóng bỏng trong cuộc sống (khủng bố, buôn lậu, bùng nổ dân số...) một mặt giúp con người trưởng thành hơn, tăng thêm vốn kinh nghiệm trong cuộc sống của họ, mặt khác nó có thể là nguyên nhân rất cơ bản gây nên trạng thái căng thẳng tâm lý cho con người, tạo ra những khó khăn tâm lý mà con người phải đối mặt. Trước những khó khăn tâm lý đó, con người luôn luôn bộc lộ nhu cầu được chia sẻ, trao đổi với những người khác - hay là nhu cầu được tham vấn tâm lý (TVTL). TVTL học đường (HĐ) là một hoạt động trợ giúp về tâm lý, thể chất, giáo dục và các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội cho học sinh (HS), giáo viên (GV), cha mẹ học sinh (CMHS) và các tổ chức trong nhà trường. Trước những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đã tạo ra sức ép lớn đối với việc giáo dục trẻ em. Trong khi đó, nội dung dạy học và giáo dục của nhà trường hiện nay còn nhiều hạn chế cũng tạo nên những sức ép to lớn đối với HS.

Lứa tuổi HS trung học cơ sở (THCS) là giai đoạn quá độ, giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em sang người lớn với rất nhiều những chuyển biến tâm lý đa dạng và phức tạp. Sự xuất hiện những yếu tố mới của sự trưởng thành do kết quả biến đổi mạnh mẽ của ý thức và tự ý thức, của nội dung và hình thức hoạt động học tập, của mối quan hệ ứng xử với người lớn, với bạn bè, của tính tích cực xã hội ở các em [19]. Điều này làm cho các em luôn tò mò, thích khám phá thế giới, tích cực, độc lập trong học tập và các hoạt động xã hội. Tuy nhiên, do sự hiểu biết còn nhiều hạn chế nên các em gặp